

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: **545**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày **26** tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở (mục nhà ở xã hội)
trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở”;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 “Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”; số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng “Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở”;

Căn cứ Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 09/10/20220 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Về phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 “Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 19/TTr-SXD ngày 12/02/2025 “V/v Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở (mục nhà ở xã hội) trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025”; Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 10/01/2025 và Văn bản số 536/UBND ngày 04/02/2025 của UBND thành phố Hạ Long và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025¹ như sau:

1. Căn cứ, lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Căn cứ điều chỉnh: Khoản 3² Điều 18 Luật Nhà ở năm 2023.

- Lý do điều chỉnh, bổ sung: **(1)** Thời gian qua, các địa phương đã lập (mới hoặc điều chỉnh) QHC, QHPK làm cơ sở triển khai lập QHCT các dự án thành phần, do vậy, một số dự án nhà ở xã hội cần rà soát, điều chỉnh cho phù hợp (Trong đó: QHC thành phố Hạ Long đến năm 2040³ và các đồ án QHPK trên địa bàn thành phố Hạ Long được UBND tỉnh phê duyệt năm 2024⁴ sau thời điểm UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025⁵; **(2)** Điều chỉnh, bổ sung một số dự án nhà ở xã hội (tập trung tại thành phố Hạ Long) để thực hiện Kế hoạch đầu tư 01 triệu căn nhà ở xã hội theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh, chỉ đạo của Bộ Xây dựng tại văn bản số 5858/BXD-QLN ngày 11/02/2025 dự kiến phân bổ chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025-2030; **(3)** Triển khai thực hiện công điện số 130/CĐ-TTg ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để thúc đẩy các dự án nhà ở xã hội và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 10/TB-VP.UBND ngày 14/01/2025; **(4)** Đảm bảo kế hoạch thu ngân sách năm 2025 tại Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024; **(5)** Làm cơ sở để UBND thành phố Hạ Long, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh phê duyệt Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh (Dự kiến báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh đợt 1 vào cuối tháng 02/2025); **(6)** Làm cơ sở để UBND thành phố Hạ Long; Sở Kế hoạch và Đầu tư trình, thẩm định báo cáo UBND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư các dự án phát triển nhà ở xã hội theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024, Nghị định 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ; **(7)** Giải quyết nội dung đề xuất của UBND thành phố Hạ Long tại Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 10/01/2025 và văn bản số 536/UBND ngày 04/02/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 (Liên quan đến nhà ở xã hội. Do đó, trước mắt tập trung

¹ Quyết định số 998/KH-UBND ngày 02/4/2021, số 3247/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh.

² b) Có điều chỉnh nội dung liên quan đến nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được quyết định.

³ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ QHPK Phân khu 4 (QĐ số 2531/QĐ-UBND ngày 05/9/2024); QHPK Phân khu 2 (QĐ số 2616/QĐ-UBND ngày 17/9/2024); QHPK Phân khu 10 (QĐ số 2917/QĐ-UBND ngày 09/10/2024); QHPK Phân khu 12 (QĐ số 3161/QĐ-UBND ngày 31/10/2024); QHPK Phân khu 15 (QĐ số 3183/QĐ-UBND ngày 01/11/2024); QHPK Phân khu 13 (QĐ số 3184/QĐ-UBND ngày 01/11/2024); QHPK Phân khu 14 (QĐ số 3180/QĐ-UBND ngày 01/11/2024)...

⁵ Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh.

điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở (nhà ở xã hội) trên địa bàn thành phố Hạ Long giai đoạn 2021-2025, nhất là khu vực dự kiến phát triển nhà ở xã hội theo dự án đã có quỹ đất phù hợp với định hướng quy hoạch đô thị lớp trên, có thể triển khai thực hiện được ngay và để phù hợp với tình hình thực tế phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố).

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung về Điều chỉnh dự kiến thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, tiến độ thực hiện dự án đối với dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long:

a. Kế hoạch đã được phê duyệt:

- Dự kiến thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án: Năm 2024-2025.
- Tiến độ thực hiện: Theo từng dự án cụ thể (căn cứ vào thời gian phê duyệt quy hoạch đô thị, tính chất và quy mô đầu tư).

- Điều chỉnh, bổ sung danh mục các khu vực dự án kiến phát triển nhà ở theo dự án giai đoạn 2021 - 2025: **194 dự án**, gồm:

- + Nhà ở thương mại: 72 dự án;

- + Nhà ở tái định cư: 91 dự án;

- + Nhà ở xã hội: 23 dự án.

- + Nhà ở công vụ: 08 dự án.

b. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau:

- Điều chỉnh, bổ sung danh mục các khu vực dự án kiến phát triển nhà ở theo dự án giai đoạn 2021-2025: **196 dự án**, gồm:

- + Nhà ở thương mại: 72 dự án (*Giữ nguyên*).

- + Nhà ở tái định cư: 91 dự án (*Giữ nguyên*).

- + Nhà ở xã hội: 25 dự án (*Bổ sung 03 dự án và đưa ra khỏi kế hoạch 01 dự án trên địa bàn thành phố Hạ Long*)

(Chi tiết dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long điều chỉnh, bổ sung và loại ra khỏi Kế hoạch theo Phụ lục I, Phụ lục I.1, Phụ lục I.2)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 và Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh; thay thế phụ lục I kèm theo Quyết định 2508/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Các Sở, ngành: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Nông thôn, Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các địa phương và các đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tham mưu và triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Điều 4. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch

và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Hy*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/hiện);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1, XD, QH, QLĐĐ;
- Lưu: VT, XD2.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

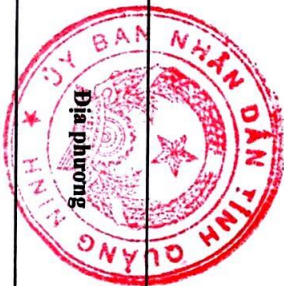
Vũ Văn Diện

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

PHỤ LỤC I

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC
CÁC KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THEO DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

GIẢI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số **545** /QĐ-UBND ngày **26** /02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



STT	 Địa phương	Số dự án	Tổng quy mô các dự án							Ghi chú
			Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở (m2)	Số ô đất ở liên kế/biệt thự	Số căn hộ chung cư	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Diện tích đất 20% NOXH (nếu có) m2		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	
	TỔNG CỘNG	196	4.333,7	15.903.870	60.794	50.169	14.816.743	2.715.941		
I	Dự án nhà ở thương mại	72	3.717,3	13.516.281	49.512	17.940	10.968.820	2.661.941		
I.1	Các dự án NOTM đang triển khai (đã chấp thuận đầu tư hoặc lựa chọn NĐT)	29	2.419,9	9.509.024	32.328	11.655	7.178.246	1.923.715		
I.2	Các dự án NOTM chưa triển khai và bỏ sung mới	43	1.297,4	4.007.257	17.184	6.285	3.790.574	738.226		
II	Dự án TĐC	91	397,2	1.088.803	9.304	770	0	0		
III	Dự án nhà ở xã hội	25	219	1.298.786	1.922	31.459	3.847.923	54.000		
IV	Nhà ở công vụ	8			56					
SỐ LIỆU TỔNG HỢP CHI TIẾT CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG										
1	Thành phố Hạ Long	45	775,7	2.633.633	11.048	32.811	6.644.447	432.806		
	Dự án nhà ở thương mại	24	661,0	2.145.548	9.497	8.704	3.539.147	432.806		
	Dự án TĐC	9	34,7	74.007	1.549	580		-		
	Dự án nhà ở xã hội	11	80,1	414.078		23.527	3.105.300	-		
	Nhà ở công vụ	1			2					
2	Thành phố Cẩm Phả	15	328,8	932.087	4.138	490	1.116.550	193.774		
	Dự án nhà ở thương mại	9	266,2	681.711	3.475	-	1.016.050	139.774		
	Dự án TĐC	2	1,1	5.276	60	190		-		
	Dự án nhà ở xã hội	3	61,5	245.100	600	300	100.500	54.000		
	Nhà ở công vụ	1			3					

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng quy mô các dự án							Ghi chú
			Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở (m ²)	Số ô đất ở liên kết biệt thự	Số căn hộ chung cư	Diện tích sân nhà ở (m ²)	Diện tích đất 20% NOXH (nếu có) m ²		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	
3	Thành phố Móng Cái	18	374,5	1.126.058	7.869	713	1.815.115	198.443		
	Dự án nhà ở thương mại	10	325,6	987.549	6.933	-	1.743.500	198.443		
	Dự án TDC	6	37,4	101.909	642	-		-		
	Dự án nhà ở xã hội	1	11,6	36.600	270	713	71.615	-		
	Nhà ở công vụ	1			24					
4	Thành phố Uông Bí	34	215,6	675.279	5.136	700	620.724	68.191		
	Dự án nhà ở thương mại	5	109,7	339.661	2.329	-	582.224	68.191		
	Dự án TDC	27	102,0	320.018	2.807	-		-		
	Dự án nhà ở xã hội	2	3,9	15.600	-	700	38.500	-		
5	Thị xã Quảng Yên	17	1.986,9	8.460.873	22.832	11.264	3.470.970	1.660.576		
	Dự án nhà ở thương mại	2	1.921,0	8.240.000	21.074	8.172	3.199.750	1.660.576		
	Dự án TDC	11	49,1	191.622	1.392	-		-		
	Dự án nhà ở xã hội	4	16,8	29.252	366	3.092	271.220	-		
6	Thị xã Đông Triều	12	96,5	291.687	1.315	-	295.164	45.405		
	Dự án nhà ở thương mại	6	79,4	239.435	1.085	-	295.164	45.405		
	Dự án TDC	6	17,1	52.252	230	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	0	0,0	-	-	-	-	-		
7	Huyện Hải Hà	16	88,0	687.044	1.882	2.727	287.880	8.294		
	Dự án nhà ở thương mại	5	21,2	109.027	853	-	55.575	8.294		
	Dự án TDC	7	23,0	28.017	332	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	3	43,8	550.000	686	2.727	232.305	-		
	Nhà ở công vụ	1			11					
8	Huyện Đầm Hà	6	47,7	166.365	1.874	-	104.575	-		
	Dự án nhà ở thương mại	4	45,0	155.531	1.747	-	104.575	-		
	Dự án TDC	1	2,7	10.834	122	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	0	0,0	-	-	-	-	-		

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng quy mô các dự án							Ghi chú
			Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở (m2)	Số ô đất ở liên kế/biệt thự	Số căn hộ chung cư	Diện tích sân nhà ở (m2)	Diện tích đất NOXH (nếu có) m2		
-1		-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	
	Nhà ở công vụ	1			5					
9	Huyện Tiên Yên	1	23,5	61.224	207	-	-	-		
	Dự án nhà ở thương mại	1	23,5	61.224	207	-	-	-		
	Dự án TĐC	0	0,0	-	-	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	0	0,0	-	-	-	-	-		
10	Huyện Vân Đồn	7	278,6	570.582	2.394	1.464	449.318	108.452		
	Dự án nhà ở thương mại	4	255,4	523.236	2.072	1.064	420.835	108.452		
	Dự án TĐC	1	21,6	39.190	317	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	1	1,6	8.156,0	0,0	400,0	28.483,0	0,0		
	Nhà ở công vụ	1			5					
11	Huyện Bình Liêu	3	15,2	68.360	440	-	12.000	-		
	Dự án nhà ở thương mại	2	9,2	33.360	240	-	12.000	-		
	Dự án TĐC	1	6,0	35.000	200	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	0	0,0	-	-	-	-	-		
12	Huyện Ba Chẽ	9	87,5	230.679	1.654	-	-	-		
	Dự án nhà ở thương mại	0	0,0	-	-	-	-	-		
	Dự án TĐC	8	87,5	230.679	1.653	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	0	0,0	-	-	-	-	-		
	Nhà ở công vụ	1			1					
13	Huyện Cô Tô	13	15,2	-	5	-	-	-		
	Dự án nhà ở thương mại	0	0,0	-	-	-	-	-		
	Dự án TĐC	12	15,2	-	-	-	-	-		
	Dự án nhà ở xã hội	0	0,0	-	-	-	-	-		
	Nhà ở công vụ	1			5					

Đổi với các dự án không có trong Danh mục này nhưng có trong Danh mục (hiện trạng trước năm 2021) kèm Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh nếu phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất... thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định./.



ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC
CÁC KẾ HOẠCH DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI THEO DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số **345** /QĐ-UBND ngày **26** /02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư (nếu có)	Địa điểm (Phường, xã)	QĐ Phê duyệt QHCT; chủ trương đầu tư (hoặc dự án)	Quy mô mô dự kiến					
					Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở (m ²)	Số ô đất ở liên kế/biệt thự	Số căn hộ chung cư	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Diện tích đất 20% NOXH (nếu có) m ²
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG SỐ	11	DỰ ÁN		80,08	414.078,17	-	23.527,00	3.105.300,00	-
I	DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI GIỮ NGUYÊN KẾ HOẠCH	4	DỰ ÁN		8,73	87.300,00	0,00	2.497,00	1.948.650	0
1	Dự án nhà ở xã hội khu dân cư Đồi Ngăn hàng	Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà ở số 6 Hà Nội	Phường Hồng Hải, Cao Thắng	QH: 9423/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 CTDT: 1192/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	2,50	25.000	-	980	53.900	
2	Dự án phát triển nhà ở xã hội tại quỹ đất 20% thuộc dự án Nhóm nhà ở phía Tây Bắc đường Trần Thái Tông tại phường Cao Xanh		Cao Xanh	-QH: QĐ số 5278/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND Thành phố	0,38	3.800	-	300	16.500	
3	Dự án phát triển nhà ở xã hội tại Khu dân cư thôn Chợ		Xã Thống Nhất	QB 268 ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh	1,45	14.500	-	300	16.500	
4	Khu nhà ở xã hội thuộc dự án KĐT Hà Khánh FLC		Phường Hà Khánh		4,4	44.000	-	917	50.435	
II	DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN	4	DỰ ÁN		14,53	71.067,17	0,00	6.630,00	364.650,00	
1	Khu nhà ở xã hội tại KĐT thuộc các phường Cao Thắng, Hà Khánh, Hà Lâm, thành phố Hà Long		Cao Thắng, Hà Khánh, Hà Lâm	Quyết định số 13261/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND thành phố Hà Long	1,52	5.902	-	850	46.750	
2	Nhà ở xã hội tại đồi thủy sản, phường Bãi Cháy, thành phố Hà Long		Phường Bãi Cháy	Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh (Điều chỉnh Phân khu 6)	1,2	10.668	-	980	53.900	

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư (nếu có)	Địa điểm (Phường, xã)	QĐ Phê duyệt QHCT; chủ trương đầu tư (hoặc dự án)	Quy mô dự kiến					
					Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở (m ²)	Số ô đất ở liên kết/biệt thự	Số căn hộ chung cư	Diện tích sân nhà ở (m ²)	Diện tích đất 20% NOXH (nếu có) m ²
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Khu nhà ở xã hội tại Đa giác số 3, Khu đô thị dịch vụ Hùng Thắng		Hùng Thắng	Văn bản số 3424/UBND-QH2 ngày 27/5/2022 của UBND Tỉnh	3,10	18.497	-	3.000	165.000	
4	Nhà ở xã hội tại phường Việt Hưng và phường Hoàn Bồ, thành phố Hà Long		P Việt Hưng	Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 21/0/2024 của UBND tỉnh (Phần khu 11)	8,71	36.000	-	1.800	99.000	
III	DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH	3	DỰ ÁN		56,82	255.711,00	0,00	14.400,00	792.000,00	
1	Nhà ở xã hội tại phường Hà Khẩu, thành phố Hà Long		Phường Hà Khẩu	Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh (Phần khu 7)	13,00	65.000,00		3.200,00	176.000	
2	Nhà ở xã hội tại quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị phức hợp Hà Long Xanh (phía thành phố Hà Long).		Phường Đại Yên	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND TP Hà Long	41,25	165.011,00		8.250,00	453.750	
3	Nhà ở xã hội tại ô đất AOM-72 thuộc QHPK 2, phường Hà Khánh, thành phố Hà Long		Phường Hà Khánh	Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh (Phần khu 2)	2,57	25.700,00		2.950,00	162.250	

Ghi chú: Ngoài danh mục các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại Phụ lục này, nếu có các dự án, địa điểm phù hợp thì triển khai theo các Đề án, Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội của Tỉnh



BAN MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI LOẠI RA KHỎI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số **545** /QĐ-UBND ngày **26** /02/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên dự án	Địa điểm (Phường, xã)	QĐ Phê duyệt QHCT; chủ trương đầu tư (hoặc dự án)	Quy mô dự kiến					Lý do loại khỏi Kế hoạch
				Tổng diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở (m ²)	Số ô đất ở liên kế/biệt thự	Số căn hộ chung cư	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(13)
TỔNG SỐ				6,61	20.300,00	192,00	194,00	10.670,00	
DỰ ÁN									
1	Khu nhà ở xã hội phường Hà Trung	Phường Hà Trung	Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND thành phố Hà Long	6,61	20.300	192	194	10.670	UBND thành phố Hà Long phê duyệt QHCT tại QĐ số 2073/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 có nhà ở XH liên kế đến nay không còn phù hợp quy định tại Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ, cần phải rà soát, điều chỉnh cho phù hợp (phát triển nhà ở xã hội dạng chung cư).